TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** **Bản án số**: 18/2020/HNGĐ - ST Ngày 08/9/2020 (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Phong** và ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Lan** - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 09 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1989; địa chỉ thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1993; địa chỉ thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 02 năm 2020, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Giữa anh Nguyễn Văn Q và bị đơn là chị Nguyễn Thị N, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 6 năm 2010, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N. Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, chị N không tu trí làm ăn, nên vợ

chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho tới nay. Anh Q thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Q đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung anh Nguyễn Văn Q trình bày: Vợ chồng anh có một con chung cháu là Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2010. Từ khi ly thân anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, anh Q đề nghị Tòa án giao con chung cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị N;

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2010, cho tới khi cháu L đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N; chị

Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 17 tháng 6 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, chị N không quan tâm đến chồng con, khi được anh Q và gia đình khuyên bảo nhưng chị N không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 09 năm 2015 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 05/6/2020 do anh Q giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của chi hội phụ nữ, trưởng thôn Đ và UBND xã G. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị Nguyễn Thị N cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Q.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N có một con chung cháu là Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2010. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Q và chị N có một con chung; cháu Long đã trên bẩy tuổi, anh Quân là công nhân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công; địa chỉ tại khu Công nghiệp G, huyện V công việc, thu nhập ổn định. Từ khi ly thân con chung đều do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Trong thời gian trước đây và hiện tại cháu Nguyễn Gia L đều do anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm tốt về mọi mặt. Chị Nguyễn Thị N không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, nên không có

quan điểm của chị N về con chung. Quan điểm của anh Q đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Vì vậy, cần giao con chung Nguyễn Gia L cho anh Nguyễn Văn Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Q. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N được ly hôn;

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2010. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 08/09/2020 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi, nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Văn Q. Khi nào anh Q có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2019/0000029 ngày 20/02/2020.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Thiện Thành